TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2026/DS-ST
Ngày 28 - 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 795/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 511/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kim S, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: : ấp TĐ, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Lê N, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp 4, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Kim S trình bày: Ngày 06/9/2023, chị N có vay chị số tiền 20.000.000đ, trả góp 24 kỳ, mỗi kỳ là 1.000.000đ. Ngày 09/9/2023, chị N có vay chị số tiền 20.000.000đ, trả góp 22 kỳ, mỗi kỳ là 1.000.000đ. Ngày 12/9/2023, chị N có vay chị số tiền 10.000.000đ, trả góp 11 kỳ, mỗi kỳ là 1.000.000đ. Tổng 03 lần vay là 50.000.000đ. Từ khi mượn đến nay chị N không trả tiền, mặc dù chị đã yêu cầu nhiều lần. Nay chị yêu cầu chị N trả số tiền 50.000.000đ.

Chị Nguyễn Lê N trình bày: Chị có vay của chị S 03 lần với số tiền là

50.000.000đ, khi vay có làm biên nhận. Số tiền vay chị đã góp đủ cho chị S, không còn nợ. Tuy nhiên, khi góp số tiền cho chị S thì chị không có yêu cầu chị S viết biên nhận tiền. Nay chị không đồng ý trả chị S số tiền 50.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Kim C khởi kiện chị Nguyễn Lê N là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S, chị N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, cũng như lời thừa nhận của chị N thể hiện chị N có vay của chị S 03 lần với tổng số tiền là 50.000.000đ. Theo chị S trình bày, từ khi vay đến nay chị N không trả tiền cho chị. Tuy nhiên, chị N không thừa nhận, chị N xác định đã góp tiền đủ cho chị S. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch vay tiền với nhau được thiết lập bằng biên nhận, nhưng khi chị N góp tiền thì không thiết lập biên nhận với chị S. Mặt khác, ngoài lời trình bày không được chị S thừa nhận thì chị N không có chứng cứ thể hiện đã góp đủ tiền cho chị S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về án phí dân sự: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim S.

1. Buộc chị Nguyễn Lê N phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Kim S số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Kim S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Lê N chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị N còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Chị Nguyễn Kim S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị S 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000060 ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

2.2. Chị Nguyễn Lê N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh